

Số: 1729/HDLN-NN-KHCN-TC-KHĐT-
NHNN

Tuyên Quang, ngày 15 tháng 9 năm 2014

HƯỚNG DẪN
Thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển
kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số: 10/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh); văn bản số 2307/UBND-NLN ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về triển khai thực hiện Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014, Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Liên ngành: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Sở Khoa học và Công nghệ - Sở Tài chính - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang hướng dẫn thực hiện như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, LĨNH VỰC ĐƯỢC HỖ TRỢ

1. Đối tượng được hỗ trợ

Hộ gia đình, cá nhân, tổ chức sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại theo quy định hiện hành (sau đây gọi chung là chủ trang trại).

2. Lĩnh vực được hỗ trợ

a) Hàng năm, chủ trang trại được ưu tiên tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn về kỹ năng sản xuất, tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh do các cơ quan chức năng của tỉnh tổ chức (kinh phí do Ngân sách Nhà nước đảm bảo).

b) Chủ trang trại được ưu tiên thực hiện các đề tài ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và các mô hình trình diễn phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất, kinh doanh của trang trại.

c) Chủ trang trại được vay vốn có hỗ trợ lãi suất 01 lần (50% lãi suất tiền vay) với mức cho vay có hỗ trợ lãi suất tối đa 500 triệu đồng/trang trại để đầu tư vào sản xuất, kinh doanh (Chi tiết hỗ trợ tại Phụ lục 1 Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND gửi kèm theo hướng dẫn này).

d) Chủ trang trại được hỗ trợ kinh phí tham gia các chương trình đào tạo ngắn hạn, tập huấn tại địa phương.

đ) Đối với lao động làm việc tại các trang trại chưa được đào tạo nghề phù hợp với việc làm: được hỗ trợ kinh phí tham gia đào tạo, tập huấn theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

e) Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm; hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm, giới thiệu sản phẩm; hỗ trợ kinh phí tổ chức đánh giá và cấp chứng nhận sản xuất theo Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) sau đây gọi chung là **hỗ trợ chi phí**.

(Chi tiết hỗ trợ tại Phụ lục 2 Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND).

II. NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG CHUNG

1. Các khoản hỗ trợ lãi suất tiền vay, hỗ trợ chi phí theo cơ chế, chính sách của tỉnh được chi trả trực tiếp cho các chủ trang trại.

Việc hỗ trợ lãi suất tiền vay để đầu tư sản xuất thực hiện theo hình thức **đồng thời với quá trình đầu tư**.

Việc hỗ trợ chi phí thực hiện theo hình thức **sau đầu tư**.

2. Chủ trang trại phải sử dụng vốn vay, vốn hỗ trợ đầu tư đúng mục đích; trả nợ gốc và lãi tiền vay đầy đủ, đúng quy định của ngân hàng; chịu sự giám sát, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền. Không hỗ trợ lãi suất tiền vay cho những chủ trang trại không sử dụng vốn đúng mục đích, không đảm bảo các điều kiện được hỗ trợ (*được quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND*).

3. Những nội dung hỗ trợ không nêu trong hướng dẫn này được thực hiện theo các chính sách hiện hành của nhà nước.

4. Không hỗ trợ cho các trang trại những nội dung đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hoá đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh .

Trong trường hợp cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì chủ trang trại được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

5. Việc cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ lãi suất tiền vay và hỗ trợ đầu tư được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước hiện hành.

6. Trong hướng dẫn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

6.1. *Cây hàng năm* là các loại cây có thời gian sinh trưởng từ khi gieo trồng tới khi thu hoạch không quá một (01) năm (12 tháng).

6.2. *Cây lâu năm* là các loại cây có thời gian sinh trưởng từ khi gieo trồng tới khi thu hoạch trên một (01) năm (12 tháng).